

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/02/2018

V/v : Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo

Bà Trương Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam D.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết D đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị T - Sinh năm 197.

Địa chỉ: Xóm 4, thôn X, xã X, huyện Y, tỉnh Nam D.

- Bị đơn: Anh TRần Đình D - Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 6, khu C thị trấn L, huyện Y tỉnh Nam D.

Tại phiên tòa có mặt chị T, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Đình D vào năm 2001, đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn Lâm huyện Ý Yên tỉnh Nam D. Vợ chồng chung sống được hai ngày thì phát sinh mâu thuẫn, chị T bỏ về nhà để ở cho đến nay, anh D cũng không tìm gặp. Vợ chồng cũng ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Nay chị xác D không còn tình cảm với anh D nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị và anh D không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh D nhưng anh D vẫn cố tình vắng mặt. Tại đơn đề nghị, bà Phạm Thị Cồn là mẹ đẻ của anh D cho biết: Anh D và chị T kết hôn ngày 12/6/2001, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lâm. Sau khi tổ chức đám cưới được hai ngày thì chị T tự ý bỏ về nhà đẻ, không có ý kiến gì với gia đình bà. Gia đình bà đã lên tìm gọi chị T về nhưng chị T trốn không về. Gia đình Bà và anh D đã nhận được các giấy tờ của Tòa án gửi cho anh D, biết được các yêu cầu của chị T, quan điểm của anh D đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác chị T và anh D không có gì.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D không có mặt. Chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Dương Thị T và anh Trần Đình D được xác lập vào ngày 12/6/2001, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L huyện Y tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày thì anh chị chung sống được hai ngày thì xảy ra mâu thuẫn và chị bỏ về nhà đẻ ở cho đến nay. Chị T xác định không có tình cảm với anh D nên chị xin ly hôn anh D. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh D với mong muốn báo anh D lên làm việc, tiến hành hòa giải để anh chị trở về đoàn tụ nhưng anh D cố tình vắng mặt. Điều đó thể hiện anh D không có ý thức để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T xác định không có, không đề nghị Tòa án quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Dương Thị T và anh Trần Đình D.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Dương Thị T phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ chị đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BB/2012/08443, ngày 10/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị Hệ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị T được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND T T L;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Tâm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tiến Mãn